

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2017/DS-PT

Ngày: 13-11-2017

V/v tranh chấp: “Hợp đồng dân sự
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Hiếu

Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 11 và ngày 13 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2017/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 262/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Thị C, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Số 177A, Tổ 16, Khu 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Lê Hoàng P, sinh năm 1982 (có mặt);

2. Trần Thị Ánh T, sinh năm 1984 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Lê Hoàng P và Trần Thị Ánh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày: Bà với vợ chồng anh P, chị T là chỗ quen biết nên khi vợ chồng anh P cần tiền trang trải công việc bà có cho vay các lần như sau:

- Ngày 19/5/2015 bà cho vợ chồng anh P vay 400.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng xong sẽ trả cho bà nhưng từ ngày vay đến nay anh chị không thực hiện việc đóng lãi cũng như trả vốn.

- Ngày 02/7/2015 vợ chồng anh P vay 45.000.000 đồng, có thể chấp 01 giấy đăng ký xe ô tô tải biển số 63K-3959 do anh P đứng tên, thời hạn vay 01 tháng. Anh P, chị T đóng lãi được 02 tháng thì ngưng.

Tổng cộng anh P, chị T vay 445.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Các lần vay đều có làm biên nhận. Bà yêu cầu anh P, chị T trả 445.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật và phải tính lãi trên số tiền 400.000.000 đồng từ ngày 19/5/2015, số tiền 45.000.000 đồng từ tháng 7/2015 theo mức lãi suất 9%/năm đến ngày xét xử. Khi nào vợ chồng anh P trả 45.000.000 đồng bà sẽ trả lại giấy đăng ký xe cho anh chị.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C yêu cầu anh P, chị T trả 445.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật và phải tính lãi trên số tiền 400.000.000 đồng từ ngày 19/5/2015, số tiền 45.000.000 đồng từ ngày 02/7/2015 theo mức lãi suất 9%/năm đến ngày xét xử. Bà đồng ý cản trừ số tiền lãi 1.700.000 đồng đã nhận. Khi nào vợ chồng anh P trả 45.000.000 đồng bà sẽ trả lại giấy đăng ký xe cho anh chị. Bà không thừa nhận việc vợ chồng anh P, chị T khai có trả cho bà 35.000.000 đồng tiền lãi khoản vay 400.000.000 đồng và 5.600.000 đồng tiền lãi của khoản vay 45.000.000 đồng.

Bị đơn anh Lê Hoàng P, chị Trần Thị Ánh T trình bày: Vợ chồng anh chị có mượn bà C 445.000.000 đồng. Biên nhận 400.000.000 đồng ngày 19/5/2015 do anh P viết, biên nhận ngày 02/7/2015 do chị T viết và có đưa bà C giữ một giấy đăng ký xe ô tô biển số 63K-3959 cho bà C. Vợ chồng anh chị có đóng cho bà C tổng cộng 40.200.000 đồng tiền lãi. Anh chị cũng đồng ý trả cho bà C 445.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, xin không trả lãi. Đối với giấy đăng ký xe khi nào trả xong tiền sẽ nhận lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P, chị T đồng ý trả bà C 445.000.000 đồng vốn và đồng ý trả lãi theo yêu cầu bà C nhưng anh chị yêu cầu phải cản trừ số tiền lãi anh chị đã đóng cho bà 35.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 400.000.000 đồng và 5.600.000 đồng tiền lãi của khoản vay 45.000.000 đồng. Đối với giấy đăng ký xe 63K-3959 khi nào anh chị trả xong 45.000.000 đồng sẽ nhận lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 86/2017/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị C.

- Buộc anh Lê Hoàng P và chị Trần Thị Ánh T phải trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền vốn là 445.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 84.568.750 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Tổng cộng là 529.568.750 đồng (Năm trăm hai mươi chín triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/8/2017, bị đơn anh Lê Hoàng P và chị Trần Thị Ánh T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết cho anh chị trả dần khoản tiền vốn 445.000.000 đồng, mỗi tháng anh chị tự nguyện trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; yêu cầu xem xét lại lãi suất mà anh chị đã đóng cho bà C trong thời gian qua và không chấp nhận khoản tiền lãi 84.568.750 đồng mà án sơ thẩm đã buộc anh chị phải trả cho bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm; Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo có cung cấp 01 file ghi âm thể hiện nội dung bà C có thừa nhận đã nhận của bị đơn số tiền 35.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự tuyên sửa bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Lê Hoàng P và chị Trần Thị Ánh T, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với số tiền vốn vay: Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Lê Hoàng P và chị Trần Thị Ánh T phải trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền vốn vay 445.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng), các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên không đặt ra xem xét. Anh P và chị T chỉ kháng cáo về số tiền lãi phát sinh là 84.568.750 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi đủ số tiền 445.000.000 đồng.

[2] Đối với phần tiền lãi phát sinh: Bà C yêu cầu tính lãi theo lãi suất ngân hàng là 9%/năm đối với tiền vốn vay, được trừ đi số tiền 1.700.000 đồng anh P, chị T đã trả của số tiền vay 45.000.000 đồng, phần còn lại phải tiếp tục thanh toán. Anh P và chị Ánh T thừa nhận có vay tiền của bà C như sau: Ngày 19/5/2015 vay số tiền 400.000.000 đồng; ngày 02/7/2015 vay số tiền 45.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vốn vay là 445.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã tính lãi phát sinh đối với số tiền 400.000.000 đồng từ ngày vay (19/5/2015) đến ngày

xét xử sơ thẩm (20/7/2017) là 26 tháng x 400.000.000 đồng x 0,75%/tháng = 78.000.000 đồng; số tiền 45.000.000 đồng từ ngày vay (02/7/2015) đến ngày xét xử sơ thẩm (20/7/2017) là 24,5 tháng x 45.000.000 đồng x 0,75%/tháng = 8.268.750 đồng – 1.700.000 đồng (lãi đã nhận) = 6.568.750 đồng. Tổng cộng tiền lãi phải trả là 78.000.000 đồng + 6.568.750 đồng = 84.568.750 đồng. Xét thấy, việc tính lãi như trên của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ đúng quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, việc áp dụng mức lãi suất 9%/năm là có lợi cho phía bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có xin công bố một file ghi âm thể hiện bà C có nhận số tiền lãi là 35.000.000 đồng, đây là tiền lãi của phần tiền vay 400.000.000 đồng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ tiền lãi vay. Bà C cũng thừa nhận người nói chuyện trong file ghi âm là bà C, bà cũng thừa nhận có nhận của bị đơn số tiền 35.000.000 đồng nhưng phía bị đơn khi trả tiền không nói rõ trả lãi cho phần tiền nào, bà C đề nghị khấu trừ vào một tờ biên nhận năm 2014 vợ chồng bị đơn còn nợ bà số tiền 421.000.000 đồng. Bị đơn thì cho rằng số tiền 35.000.000 đồng trả lãi cho số tiền vay 400.000.000 đồng. Xét thấy, lời trình bày của bị đơn là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bởi lẽ, đoạn băng ghi âm được các bên thừa nhận ghi âm sau ngày xét xử sơ thẩm, đối với biên nhận nợ 421.000.000 đồng thì các bên không có tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm không có đặt ra xem xét, nội dung tờ biên nhận này cũng không thể hiện thời gian trả tiền, cho nên không có cơ sở để xác định số tiền 35.000.000 đồng này trả tiền cho số nợ 421.000.000 đồng. Do đó, xác định số tiền 35.000.000 đồng đã trả là phần tiền lãi của số tiền vay 400.000.000 đồng. Theo nội dung án sơ thẩm đã tính lãi phát sinh phần tiền vay 400.000.000 đồng là 78.000.000 đồng, bị đơn chứng minh được đã trả lãi 35.000.000 đồng, nên được khấu trừ (78.000.000 đồng – 35.000.000 đồng) = 43.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền lãi phát sinh mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 43.000.000 đồng (lãi phát sinh của số tiền 400.000.000 đồng) + 6.568.750 đồng (lãi phát sinh của số tiền 45.000.000 đồng) = 49.568.750 đồng.

[3] Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng: Xét thấy, tại biên nhận vay ghi ngày 19/5/2015, số tiền vay là 400.000.000 đồng thì thỏa thuận vay trong 07 ngày sẽ trả lại. Tại biên nhận vay ghi ngày 02/7/2015, số tiền vay 45.000.000 đồng thì hai bên thỏa thuận trong 01 tháng sẽ hoàn trả. Sau khi vay thì anh P và chị T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà C theo thỏa thuận. Nay xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng là gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà C, không được bà C chấp nhận. Ngoài ra phía bị đơn cũng không cung cấp thêm được chứng cứ gì mới để chứng minh, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Từ những căn cứ như trên, xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có cơ sở một phần, được Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền lãi phát sinh của số tiền 400.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét lời đề nghị của vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Hoàng P và chị Trần Thị Ánh T. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 86/2017/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về phần tiền lãi đã trả của số tiền vốn vay 400.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc anh Lê Hoàng P và chị Trần Thị Ánh T phải trả cho bà Huỳnh Thị C số tiền vốn là 445.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi là 49.568.750 đồng (Bốn mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi đồng). Tổng cộng là 494.568.750 đồng (Bốn trăm chín mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P, chị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

- Anh Lê Hoàng P và chị Trần Thị Ánh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và phải liên đới chịu 23.782.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do anh P và chị Ánh T nộp theo biên lai thu số 07288 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên phải nộp tiếp số tiền 23.482.750 đồng.

- Bà Huỳnh Thị C phải chịu 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 10.900.000 đồng tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 06938 ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên được hoàn lại 9.150.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án công khai lúc 08 giờ 00 phút ngày 13 tháng 11 năm 2017.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt